

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2022/DS-PT
Ngày: 04 - 11 - 2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Hồ Văn Phụng

2. Bà Trương Tố Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Thạch Hoàng T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, (theo văn bản ủy quyền ngày 22-12-2021). Bà Nữ có đơn xin vắng mặt ngày 03/11/2022.

- Bị đơn:

1. Bà Danh Thị H1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lý H2, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phương Thị Tuyết M, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Bị đơn Lý H2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2021 của nguyên đơn ông Thạch Hoàng T và lời khai tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Ngọc N trình bày:

Vào ngày 17/01/2021 ông Thạch Hoàng T có cho vợ chồng bà H1 và ông H2 vay số tiền 176.000.000 đồng, có làm giấy tay, vợ chồng bà H1 và ông H2 có ký tên, có ông D chứng kiến và có ông S xác nhận. Sau khi vay bà H1 trả lãi được 16.000.000 đồng thì ngưng.

Nay ông T yêu cầu vợ chồng bà H1, ông H2 có trách nhiệm liên đới trả cho ông T tiền vốn 176.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử vụ án, mức lãi suất 1,66%/tháng, đồng ý khấu trừ số tiền 16.000.000 đồng bà H1 đã trả, còn lại bà H1 và ông H2 phải trả.

- Bị đơn bà Danh Thị H1 trình bày:

Bà thừa nhận có nợ bà M (vợ ông T) và bà U số tiền 170.900.000 đồng là tiền bán đề không có giấy tờ mua bán chỉ liên hệ qua điện thoại, không phải tiền vay và không có nêu tiền lãi, sau đó bà có trả được 900.000 đồng và tiếp tục mỗi tháng bà trả 4.000.000 đồng, trả được 05 lần/05 tháng, tổng cộng bà trả được số tiền 20.900.000 đồng, bà M đến nhà bà lấy, có khi bà đem lại giao bà M, nay bà còn nợ số tiền 150.000.000 đồng.

Đối với số tiền trên bà M có nhờ ông D ghi biên nhận nợ, khi ông D lập xong có đọc cho bà nghe nhưng nội dung đọc không có nói là tiền vay, tiền mượn chỉ đọc có nợ của bà M số tiền nợ 170.900.000 đồng, do bà không biết chữ nên bà M có ghi nháp hướng dẫn cho bà viết chữ H1, để bà ghi trong giấy nhận nợ, bà không có giao dịch hay nợ tiền của ông T mà giao dịch, nợ với bà M và bà U.

Nay bà đồng ý trả tiền cho bà M số tiền 150.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Lý H2 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H1, không có ý kiến gì bổ sung.

Ông thừa nhận “Đơn mượn nợ đề ngày 17/01/2021” đúng là chữ ký của ông, nhưng ông không đồng ý trả nợ cho ông T, vì không phải tiền vay.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phương Thị Tuyết M trình bày:

Bà là vợ của ông T, đối với bà H1 và ông H2 có vay của vợ chồng bà số tiền 176.000.000 đồng, có làm giấy tay vào ngày 17/01/2021, sau khi vay bà H1 có trả lãi được 04 lần với số tiền 16.000.000 đồng. Còn bà H1 cho rằng nợ 170.900.000 đồng tiền số đề là không đúng bà không biết số đề và bà H1 cho rằng trả được 20.900.000 đồng cũng không đúng, chỉ có trả được tiền lãi

16.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà H1 và ông H2 có nghĩa vụ trả cho ông T tiền vốn 176.000.000 đồng và tiền lãi theo pháp luật.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Hoàng T về việc đòi bị đơn bà Danh Thị H1 và ông Lý H2 trả tiền vay.

Buộc bị đơn bà Danh Thị H1 và ông Lý H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Thạch Hoàng T số tiền vay 176.000.000 đồng và tiền lãi 37.562.666 đồng, tổng cộng 213.562.666 đồng (hai trăm mười ba triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 Bị đơn Lý H2 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc vợ chồng bị đơn trả cho nguyên đơn 213.562.666 đồng. Bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của đơn kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn Lý H2, dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các bị đơn Lý H2 là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Lý H2, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn bà H1 và ông H2 trả số tiền còn nợ vốn 176.000.000 đồng và trả lãi theo pháp luật.

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn ông T và người đại diện ủy quyền của nguyên đơn cung cấp chứng cứ giấy nhận nợ ngày 17/01/2021 bị đơn bà H1 và ông H2 vay số tiền 176.000.000 đồng và có thỏa thuận trả lãi. Còn bị đơn bà H1 và ông H2 thừa nhận có nợ 170.900.000 đồng.

[2.2] Xét đơn nhượng nợ ngày 17/01/2021 ghi tên Danh Thị H1 có mượn nợ của Thạch Hoàng T số tiền 176.000.000 đồng và đồng ý trả 01 tháng 4.000.000 đồng lãi có chữ ký của bà H1 và chồng bà H1 tên Lý H2 ký tên, người làm chứng ông D chứng kiến. Đối với tờ mượn nợ bà H1 và ông H2 đều thừa nhận có ký tên có nợ của ông T nhưng không nói tiền gì, bà H1 cho rằng nợ 170.900.000 đồng tiền chơi đề của bà M và bà U, chứ không phải tiền vay, nhưng ông T và bà M không thừa nhận, đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2022 bà Hồ Thị S (U) trình bày bà H1 và ông H2 không có nợ của bà khoản tiền nào và bà cũng không có chơi đề. Ngoài lời nói ra bà H1 và ông H2 không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền nợ không phải là tiền vay, còn ông D xác nhận viết đơn mượn nợ giùm cho bà H1 và ông T có đọc lại cho bà H1 và ông T nghe là sự thật. Nên bà H1 cho rằng tiền nợ chơi đề là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xác định vào ngày 17/01/2021 bà H1 và ông H2 có nợ tiền vốn vay của ông T 176.000.000 đồng có căn cứ và hiện nay chưa trả.

[2.3] Đối với tiền lãi ông T trình bày sau khi vay bà H1 có trả lãi 16.000.000 đồng, còn bà H1 cho rằng trả số tiền 20.900.000 đồng việc trả tiền chỉ nói miệng, không có giấy tờ, nhưng ông T và bà M không thừa nhận số tiền bà H1 trả 20.900.000 đồng thì bà H1 cũng không có căn cứ chứng minh nên xác định bà H1 đã trả lãi cho ông T số tiền 16.000.000 đồng là có căn cứ. Ông T yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định Bộ luật dân sự năm 2015. Thời gian tính lãi từ ngày 17/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/07/2022 là 18 tháng 10 ngày. Tiền vốn 176.000.000 đồng x 18 tháng 10 ngày x 1,66% = 53.562.666 đồng, nhưng được trừ tiền lãi bà H1 đã trả 16.000.000 đồng, như vậy tiền lãi bị đơn còn phải trả tiếp 37.562.666 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc bà H1 và ông H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông T tiền **vay 176.000.000 đồng** và tiền lãi 37.562.666 đồng, tổng cộng vốn lãi 213.562.666 đồng có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Từ phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của ông Lý H2 là không có căn cứ, ngoài lời trình bày ra ông H2 không cung cấp chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lý H2

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29 /2022/DS-ST ngày 27/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 95, Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Hoàng T về việc đòi bị đơn bà Danh Thị H1 và ông Lý H2 trả tiền vay.

Buộc bị đơn bà Danh Thị H1 và ông Lý H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Thạch Hoàng T số tiền vay 176.000.000 đồng và tiền lãi 37.562.666 đồng, tổng cộng 213.562.666 đồng (hai trăm mười ba triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bị đơn bà Danh Thị H1 và ông Lý H2 liên đới nộp án phí số tiền 10.678.000 đồng (mười triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả cho ông Thạch Hoàng T tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.803.000 đồng (bốn triệu, tám trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001261 ngày 02/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Án phí phúc thẩm bị đơn Lý H2 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền bị đơn đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002776 ngày 12/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn **Lý H2 đã nộp đủ.**

4. **Bản án này** có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Phụng Trương Tố Hương Nguyễn Hoàng Thành

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thành

